

TÊN

NGÀY

TIẾT HỌC

Tài liệu Hỗ trợ Gia đình

Số học trong hệ thập phân

Dưới đây là tóm tắt bài học video Lớp 6 Bài 5: Số học trong hệ thập phân. Mỗi video nêu bật các khái niệm và từ vựng chính mà học sinh học được qua một hoặc nhiều tiết học trong bài học. Nội dung của các video tóm tắt bài học này dựa trên bản tóm tắt bài học bằng văn bản ở cuối các tiết học trong giáo trình. Mục tiêu của những video này là hỗ trợ học sinh ôn tập và kiểm tra mức độ hiểu biết của mình về các khái niệm và từ vựng quan trọng. Dưới đây là một số cách để gia đình có thể sử dụng những video này:

- Cập nhật thông tin về các khái niệm và từ vựng mà học sinh đang học trong lớp.
- Xem cùng học sinh và tạm dừng ở những điểm chính để dự đoán điều gì sẽ xảy ra tiếp theo hoặc nghĩ ra các ví dụ khác về thuật ngữ từ vựng (những từ in đậm).
- Hãy cân nhắc việc theo dõi các liên kết “Kết nối với các bài học khác” để xem lại các khái niệm toán học dẫn tới bài học này hoặc để xem trước các khái niệm trong bài học này sẽ dẫn tới đâu trong các bài học sau này.

Lớp 6, Bài 5: Số học trong hệ thập phân Vimeo YouTube

Video 1: Cộng và trừ số thập phân (Tiết 2–4) [Link](#) [Link](#)

Video 2: Nhân số thập phân (Tiết 5–8) [Link](#) [Link](#)

Video 3: Chia số nguyên (Tiết 9–10) [Link](#) [Link](#)

Video 4: Chia số thập phân (Tiết 11–14) [Link](#) [Link](#)

Video 1

Video “VLS G6U5V1 Cộng và trừ số thập phân (Tiết 2–4)” có sẵn tại đây:
<https://player.vimeo.com/video/492582931>.

Video 2

Video “VLS G6U5V2 Nhân số thập phân (Tiết 5–8)” có sẵn tại đây:
<https://player.vimeo.com/video/500622718>.

Video 3

Video “VLS G6U5V3 Chia số nguyên (Tiết 9–10)” có sẵn tại đây:
<https://player.vimeo.com/video/497426755>.

Video 4

Video “VLS G6U5V4 Chia số thập phân (Tiết 11–14)” có sẵn tại đây:
<https://player.vimeo.com/video/500082524>.

TÊN

NGÀY

TIẾT HỌC

Khởi động với số thập phân

Tài liệu Hỗ trợ Gia đình 1

Tuần này, học sinh sẽ cộng và trừ các số bằng cách sử dụng những kiến thức các em biết về ý nghĩa của các chữ số. Ở các lớp trước, các em học sinh đã biết rằng số 2 trong 207,5 đại diện cho 2 *trăm*, số 7 đại diện cho 7 *đơn vị* và số 5 đại diện cho 5 *phần mười*. Chúng ta cộng và trừ các chữ số tương ứng với cùng đơn vị như *hàng trăm* hoặc *hàng chục*. Ví dụ: để tìm $10.5 + 84.3$, chúng ta thêm hàng chục, hàng đơn vị và phần mười riêng, do đó $10.5 + 84.3 = 90 + 4 + 0.8 = 94.8$.

Bất cứ khi nào chúng ta cộng các chữ số và tổng lớn hơn 10, chúng ta có thể “gộp” 10 vào đơn vị cao hơn tiếp theo. Ví dụ: $0.9 + 0.3 = 1.2$.

Để cộng các số nguyên và số thập phân, chúng ta có thể sắp xếp $0.921 + 4.37$ theo chiều dọc, căn chỉnh các dấu thập phân và tìm tổng. Đây là một cách thuận tiện để đảm bảo rằng chúng ta đang cộng các chữ số tương ứng với cùng đơn vị. Điều này cũng giúp học sinh dễ dàng theo dõi khi gộp 10 đơn vị vào đơn vị cao hơn tiếp theo (một số người gọi đây là “nhớ”).

$$\begin{array}{r}
 1 \\
 0.921 \\
 + 4.37 \\
 \hline
 5.291
 \end{array}$$

Đây là một nhiệm vụ để thực hành với học sinh:

TÊN

NGÀY

TIẾT HỌC

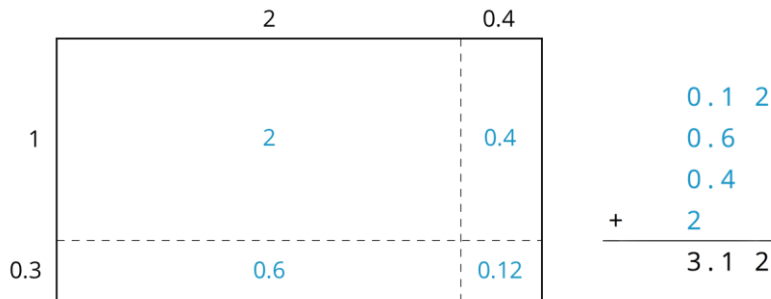
Tìm giá trị của $6.54 + 0.768$.

Lời giải: 7.308. Giải thích mẫu: có 8 phần nghìn từ 0,768. Tiếp theo, 4 phần trăm từ 6,54 và 6 phần trăm từ 0,768 cộng lại tạo thành 1 phần mười. Cùng với 5 phần mười từ 6,54 và 7 phần mười từ 0,768, tổng số này là 13 phần mười hoặc 1 và 3 phần mười. Tổng cộng có 7 đơn vị, 3 phần mười, không phần trăm và 8 phần nghìn.

Nhân số thập phân

Tài liệu Hỗ trợ Gia đình 2

Tuần này, học sinh sẽ nhân số thập phân. Có một số cách để chúng ta nhân hai số thập phân, chẳng hạn như $(2.4) \cdot (1.3)$. Chúng ta có thể biểu diễn tích dưới dạng diện tích của một hình chữ nhật. Nếu 2,4 và 1,3 là độ dài cạnh của hình chữ nhật thì tích $(2.4) \cdot (1.3)$ là diện tích của hình chữ nhật. Để tìm diện tích, việc phân tách hình chữ nhật thành các hình chữ nhật nhỏ hơn bằng cách chia độ dài các cạnh theo giá trị theo hàng sẽ hữu ích. Tổng diện tích của tất cả các hình chữ nhật nhỏ hơn, 3,12, là tổng diện tích.



Đây là một nhiệm vụ để thực hành với học sinh:

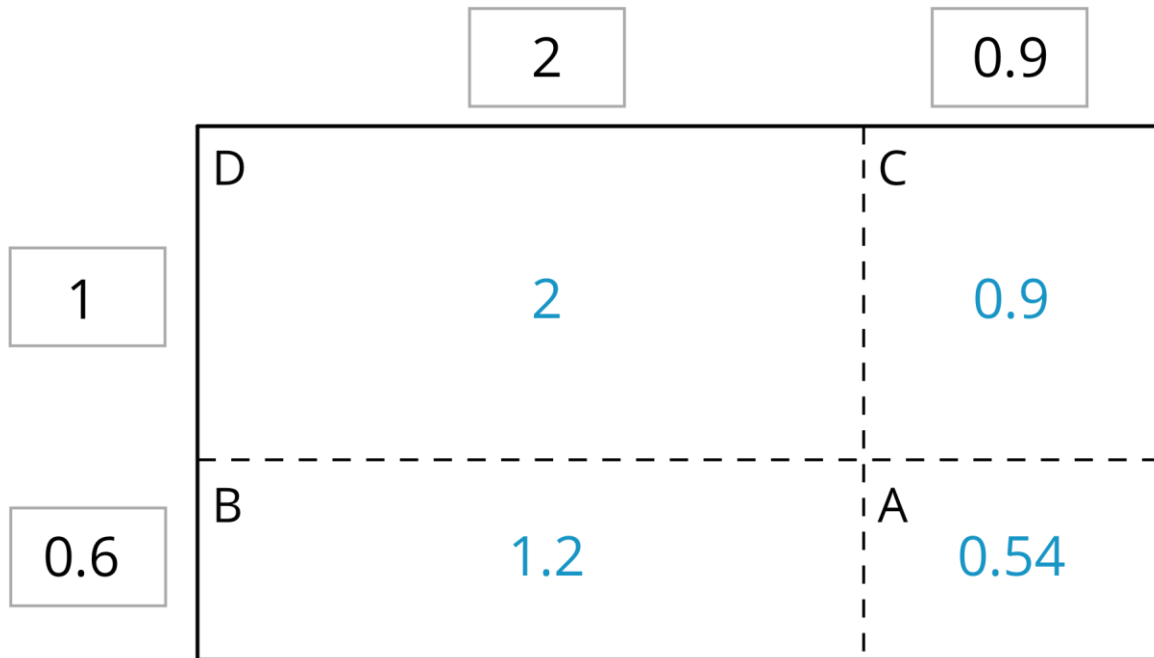
Tìm $(2.9) \cdot (1.6)$ sử dụng mô hình diện tích và tích một phần.

Lời giải: 4,64. Diện tích hình chữ nhật (hoặc tổng các tích riêng) là: $2 + 0.9 + 1.2 + 0.54 = 4.64$

TÊN

NGÀY

TIẾT HỌC



Chia số thập phân

Tài liệu Hỗ trợ Gia đình 3

Tuần này, học sinh sẽ chia số nguyên và số thập phân. Chúng ta có thể coi phép chia là chia một số thành các nhóm có độ lớn bằng nhau.

Ví dụ: hãy xem xét $65 \div 4$. Chúng ta có thể tưởng tượng rằng chúng ta đang chia đều 65 gam vàng cho 4 người. Đây là một cách để suy nghĩ về điều này:

- Đầu tiên cho mọi người 10 gam. Sau đó 40 gam được chia ra và còn lại 25 gam. Chúng ta có thể thấy điều này trong ví dụ đầu tiên.
- Nếu chúng ta cho mọi người thêm 6 gam nữa thì 24 gam đã được chia ra và còn lại 1 gam.
- Nếu chúng ta cho mọi người thêm 0,2 gam thì 0,8 gam sẽ được chia đều và còn lại 0,2 gam.
- Nếu tiếp theo mọi người nhận được thêm 0,05 gam thì tất cả số vàng sẽ được chia đều.

Mọi người đều nhận được $10 + 6 + 0.2 + 0.05 = 16.25$ gam vàng.

TÊN

NGÀY

TIẾT HỌC

$$\begin{array}{r}
 \boxed{16.25} \\
 0.05 \\
 0.2 \\
 6 \\
 10 \\
 4 \overline{) 65} \\
 - 40 \quad \leftarrow 4 \text{ nhóm } 10 \\
 \hline
 25 \\
 - 24 \quad \leftarrow 4 \text{ nhóm } 6 \\
 \hline
 1.0 \\
 - .8 \quad \leftarrow 4 \text{ nhóm } 0.2 \\
 \hline
 .20 \\
 - .20 \quad \leftarrow 4 \text{ nhóm } 0.25 \\
 \hline
 0
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 \boxed{16.25} \\
 0.05 \\
 0.2 \\
 11 \\
 5 \\
 4 \overline{) 65} \\
 - 20 \\
 \hline
 45 \\
 - 44 \\
 \hline
 1.0 \\
 - .8 \\
 \hline
 .20 \\
 - .20 \\
 \hline
 0
 \end{array}$$

Phép tính bên phải cho thấy các bước trung gian khác nhau nhưng thương số thì giống nhau. Cách tiếp cận này được gọi là phương pháp **thương số riêng** để chia.

Đây là một nhiệm vụ để thực hành với học sinh:

$$\begin{array}{r}
 \boxed{112} \\
 2 \\
 10 \\
 100 \\
 7 \overline{) 784} \\
 - 700 \\
 \hline
 84 \\
 - 70 \\
 \hline
 14 \\
 - 14 \\
 \hline
 0
 \end{array}$$

Đây là cách Jada tìm thấy $784 \div 7$ bằng phương pháp thương số riêng.

TÊN

NGÀY

TIẾT HỌC

1. Trong phép tính, phép trừ 700 thể hiện điều gì?
2. Phía trên số bị chia 784, chúng ta thấy các số 100, 10 và 2. Chúng biểu diễn điều gì?
3. Làm cách nào chúng ta có thể kiểm tra xem 112 có phải là thương số chính xác cho $784 \div 7$ không?

Lời giải

1. Phép trừ 7 nhóm 100 từ 784.
2. 100, 10 và 2 là số lượng được chia cho mỗi nhóm qua 3 đợt chia.
3. Chúng ta có thể nhân $7 \cdot 112$ và xem liệu nó có tạo ra 784 hay không.



Bản quyền © CC BY Open Up Resources. Cải biên bởi CC BY IM.